

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 06-9-2022

“V/v xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Trang
Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Huỳnh Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, về việc: *“Xin ly hôn, nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn: Chị Tou Neh Tú M**, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức L trình bày: Nguyên vào năm 2015, anh và chị Tou Neh Tú M tự nguyện quen biết tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L2, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/10/2016, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận; đến năm nay vợ chồng có nhiều bất hòa, cãi vã, gây gổ, chị M nhiều lần đập điện thoại, đập laptop của anh nên chị M dẫn con ra nhà trọ sống, anh thì về nhà cô ruột sống. Mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều dẫn đến gia đình không còn hạnh phúc nữa. Dù đã hết sức cố gắng níu kéo nhưng xét thấy cuộc hôn nhân này không thể tiếp tục nữa. Nay anh cảm thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với chị M nên anh yêu cầu ly hôn với chị Tou Neh Tú M.

- Con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đức T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2016 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019, hiện

đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh L xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị M yêu cầu được nuôi con thì anh tự nguyện giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/hai con chung, nếu có tiền nhiều thì anh cho nhiều hơn và mua thêm sữa cho con.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022 bị đơn chị Tou Neh Tú M trình bày:* chị thừa nhận lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Tuy nhiên chị không đồng ý với yêu cầu ly hôn với anh L, chị yêu cầu đoàn tụ. Quá trình chung sống, chị thừa nhận hai bên có mâu thuẫn; anh L đã về nhà cô ruột sống vào năm 2021, mẹ con chị sống ở nhà trọ; lúc đầu, anh L có sống chung nhà trọ với chị, quá trình chung sống anh L thường đánh đập chị.

- *Về con chung:* chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.500.000 đồng/tháng/hai con chung.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* quá trình chung sống chị có vay 2 khoản của công ty FE credit với công ty SHB, tổng số nợ là khoảng 100.000.000 đồng. Chị sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án sau. Chị yêu cầu chia đôi khoản nợ trên, anh L có nghĩa vụ cùng chị trả ½ số nợ trên.

Tại biên bản hòa giải ngày ngày 04/7/2022 nguyên đơn anh Nguyễn Đức L trình bày: vẫn yêu cầu chị hôn với chị Tou Neh Tú M. Con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2016 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019, chị Tú M đã về đem con về ngoại sống khoảng hơn tháng nay, nay anh tự nguyện giao hai con chung cho chị Tú M tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Đức L yêu cầu xin ly hôn với chị Tú M, con chung là Nguyễn Đức T và Nguyễn Như Q, anh tự nguyện giao cho chị Tú M tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung. Tài sản chung, nợ phải thu phải trả: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tou Neh Tú M vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- + Xử cho anh Nguyễn Đức L được ly hôn với chị Tou Neh Tú M.

- + Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2016 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019 cho chị Tou Neh Tú M được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của anh L.

Anh Nguyễn Đức L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- + Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.
- + Về án phí: đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Tou Neh Tú M được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Tou Neh Tú M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016, anh Nguyễn Đức L và chị Tou Neh Tú M kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L2, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/10/2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Tú M là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: anh L và chị Tú M xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hai bên thường cự cãi, đánh đập nhau, mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến vợ chồng không thể chung sống với nhau, nhưng theo yêu cầu ly hôn của anh L thì chị Tú M không đồng ý, yêu cầu đoàn tụ để nuôi dạy con. Tuy nhiên, chị M không có biện pháp khắc phục cũng như thiện chí để vợ chồng đoàn tụ vì từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Tú M chỉ đến Tòa án một lần vào ngày 04/5/2022, sau đó đều vắng mặt không có lý do. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị Tú M đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, xét việc anh L yêu cầu ly hôn với chị Tú M là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: hai con chung là Nguyễn Đức T và Nguyễn Như Q hiện nay chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng; anh L tự nguyện giao hai con chung cho chị Tú M tiếp tục nuôi dưỡng, chị Tú M cũng yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị Tú M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung, chị Tú M yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.500.000 đồng/tháng/hai con chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về mức thu nhập của anh L. Xét việc yêu cầu của chị M là không có căn cứ không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của anh L về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2022 chị M cho rằng nợ của công ty FE credit với công ty SHB, tổng số nợ là khoảng 100.000.000 đồng,

cam kết sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án sau. Chị M yêu cầu chia đôi khoản nợ, anh L có nghĩa vụ cùng chị trả ½ số nợ trên. Quá trình giải quyết Tòa án có văn bản yêu cầu chị Tú M cung cấp chứng cứ về các khoản vay (số tiền cụ thể, vay của cá nhân, tổ chức nào, họ tên, địa chỉ cụ thể...), nhưng chị Tú M không cung cấp và vắng mặt suốt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu về nợ chung của chị M.

[6] Về án phí: anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức L được ly hôn với chị Tou Neh Tú M

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2016 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019 cho chị Tou Neh Tú M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của anh L. Anh Nguyễn Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: anh Nguyễn Đức L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007043 ngày 15 tháng 4 năm 2022, L phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSND huyện MT;
- THADS;
- UBND xã L2;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám